

Thứ sáu, ngày 2 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tổng thống Trump dương tính với Covid, VNIndex giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/10/2020		•	
Tuần 5/10-9/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà tăng từ phiên hôm trước đã phần nào giúp VNIndex duy trì sắc xanh trong phiên sáng, tuy nhiên, thông tin Tổng thống Mỹ Donald Trump dương tính với Covid-19 đã tạo ra áp lực bán khi vừa bước sang phiên chiều. Mặc dù vậy, lực cầu bắt đáy xuất hiện ngay sau đó đã thu hẹp đà giảm và giúp VNIndex đóng cửa ở sát ngưỡng 910 điểm. Dòng tiền đầu tư suy giảm khi chỉ còn 3/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực phản ánh tâm lý bi quan nhất thời của các nhà giao dịch. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể vẫn sẽ duy trì vận động trong khu vực 905-915 trong tuần tới khi mà tác động từ các thông tin trong và ngoài nước vẫn chưa có sự đồng nhất với nhau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.5%

Phân tích kỹ thuật: TLG_Phiên bút phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.18** điểm, đóng cửa **909.91**. HNX-Index **+1.41** điểm, đóng cửa **134.91**.
- Kéo chỉ số tăng: VIC **(+1.48)**; CTG **(+0.38)**; POW **(+0.21)**; LGC **(+0.14)**; DIG **(+0.1)**.
- Kéo chỉ số giảm: VHM **(-1.12)**; VCB **(-0.84)**; VNM **(-0.64)**; BID **(-0.34)**; VPB **(-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,127 tỷ đồng**, **+38.26%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 18.95 điểm. Thị trường có **106** mã tăng, 65 mã tham chiếu và **294** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-278.13** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-70.4 tỷ)**, **CTG (-67.3 tỷ)** và **HPG (-59.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-15.53** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **909.91**
Giá trị: 8127.6 tỷ **-4.18 (-0.46%)**
Khối ngoại (ròng): -278.13 tỷ

HNX-INDEX **134.91**
Giá trị: 737.04 tỷ **1.41 (1.06%)**
Khối ngoại (ròng): -15.53 tỷ

UPCOM-INDEX **62.35**
Giá trị: 0.77 tỷ **-0.07 (-0.11%)**
Khối ngoại (ròng): -4.69 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	37.5	-3.07%
Giá vàng	1,906	0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,191	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,152	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	22,044	0.38%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	32.73%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-7.19%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	20.4	VNM	70.4
VIC	15.7	CTG	67.3
kDC	12.6	HPG	59.5
VCB	12.2	VRE	17.2
POW	5.2	PVD	16.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	4.5%	3.1%	3.1%	21.3%	13.9%	30.8%
Đầu tư công	0.4%	2.7%	1.5%	1.5%	26.8%	19.6%	26.7%
Ngân Hàng	0.3%	2.4%	1.4%	1.4%	22.5%	11.9%	34.1%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	3.5%	1.7%	1.7%	22.0%	19.2%	29.1%
Dầu khí	-0.2%	0.7%	0.8%	0.8%	13.3%	-13.3%	39.9%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-0.2%	0.8%	0.8%	16.9%	5.2%	26.6%
Corona Avengers	-0.4%	3.2%	1.9%	1.9%	19.0%	14.6%	35.7%
Lãi suất giảm	-0.4%	1.8%	0.5%	0.5%	23.9%	20.1%	32.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	0.7%	0.6%	0.6%	9.9%	-4.8%	25.7%
FTSE Việt Nam	-0.6%	1.1%	0.5%	0.5%	9.8%	-2.0%	25.8%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	-1.1%	0.1%	0.1%	14.3%	4.7%	22.1%
VN FinSelect	-0.7%	1.4%	0.6%	0.6%	13.9%	1.6%	30.5%
Xây dựng	-0.7%	1.8%	1.7%	1.7%	24.6%	15.2%	31.2%
Hàng tiêu dùng	-0.7%	1.3%	-0.2%	-0.2%	18.1%	8.3%	30.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	0.1%	-0.5%	-0.5%	18.4%	21.0%	21.9%
VN Diamond	-0.7%	1.3%	0.5%	0.5%	15.7%	-4.8%	31.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.8%	1.0%	0.2%	0.2%	14.1%	1.5%	32.2%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	1.7%	-0.2%	-0.2%	22.7%	6.1%	31.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.9%	-0.4%	-0.7%	-0.7%	19.6%	20.5%	30.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	1.2%	0.6%	0.6%	18.5%	0.2%	30.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.0%	0.6%	-0.1%	-0.1%	15.2%	1.1%	28.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.0%	0.8%	0.2%	0.2%	15.8%	-7.1%	33.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-1.0%	-0.4%	-0.1%	-0.1%	15.1%	1.8%	25.4%
Stay-at-home	-1.1%	1.2%	-0.6%	-0.6%	20.2%	25.7%	34.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.2%	1.1%	0.2%	0.2%	17.1%	4.0%	28.0%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	-0.1%	2.7%	1.2%	1.2%	18.1%	-4.3%	34.6%
M31	-0.2%	2.5%	0.4%	0.4%	19.2%	3.5%	31.4%
L32	-0.4%	1.7%	1.0%	1.0%	15.8%	-6.6%	31.6%
M22	-0.5%	0.4%	0.4%	0.4%	14.2%	8.2%	26.7%
L11	-0.7%	1.1%	0.2%	0.2%	15.6%	2.6%	25.3%
M12	-0.9%	-0.5%	0.3%	0.3%	12.2%	0.0%	26.4%
S21	-1.2%	1.9%	0.3%	0.3%	21.4%	4.9%	28.6%
S11	-1.2%	1.4%	0.1%	0.1%	17.6%	16.7%	26.6%
L22	-1.4%	1.3%	-0.1%	-0.1%	19.4%	1.3%	28.7%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.5%	1.8%	0.5%	0.5%	16.2%	0.8%	29.3%
LOW1	-1.1%	0.6%	-0.2%	-0.2%	11.3%	-0.1%	26.4%
MID1	-1.4%	0.8%	0.1%	0.1%	20.3%	16.0%	26.4%

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	0.2%	0.5%	0.5%	10.3%	-5.3%	25.1%
VN30INDEX	-0.7%	0.8%	0.3%	0.3%	11.8%	-2.0%	26.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	8	17	20	5	12	13
Mục tiêu	9	3	6	8	1	2	7
Rủi ro	3	1	2	3	0	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 02/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.28	-1.14%	-4.90%	-11.10%	-23.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.46	-1.15%	-4.60%	-9.80%	-29.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	114.03	-1.05%	-4.20%	-5.10%	-19.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1896.63	-0.49%	1.90%	-2.40%	27.28%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.70	-0.38%	3.60%	-13.60%	36.22%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1017.75	-0.56%	1.50%	6.60%	5.91%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.50	-1.18%	3.50%	-0.10%	6.98%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.08	0.35%	6.40%	9.90%	16.20%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	175.28	-0.05%	-1.00%	-4.60%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.58	0.52%	1.60%	2.30%	-1.59%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.05	-3.52%	-3.70%	-17.00%	-5.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6387.00	-4.27%	-2.10%	-4.50%	12.80%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	523.19	1.31%	0.90%	-4.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1739.50	-1.44%	0.00%	-4.20%	1.25%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.62	3.17%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	63.25	0.56%	1.40%	14.60%	-18.75%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 3.2% xuống 40.93 USD/thùng, trong phiên có lúc xuống chỉ 39.92 USD/thùng. Dầu thô WTI giảm 1.5 USD (3.7%) xuống 38.72 USD/thùng, trước đó có thời điểm giảm hơn 6% xuống 37.61 USD.
- Điểm nóng nhất của dịch bệnh lúc này là Châu Âu, theo đó Madrid sẽ ngừng mọi hoạt động trong những ngày tới; Moscow cũng đã lệnh cho những người sở hữu lao động phải cho ít nhất 30% người lao động làm việc ở nhà; trong khi một số quốc gia Châu Âu khác vẫn liên tiếp báo số ca nhiễm mới gia tăng.
- Nguồn cung từ OPEC tăng càng gây áp lực lên thị trường. Sản lượng dầu của khối này tháng 9 vừa qua tăng 160,000 thùng/ngày so với tháng 7, theo kết quả thăm dò của Reuters. Trong đó, sản lượng của Libya tăng lên 270,000 thùng/ngày; của Saudi Arabia tăng 500,000 thùng/ngày và của Nga cũng tăng. Các thành viên OPEC đã xuất khẩu 18.2 triệu thùng dầu/ngày trong tháng 9, tăng so với 17.53 triệu thùng của tháng 8.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.2% lên 1,907.46 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 1.1% lên 1,916.3 USD/ounce. Các nhà đầu tư đang theo dõi những cuộc đàm phán giữa Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi và Bộ trưởng Tài chính Steven Mnuchin về gói cứu trợ đã được chờ đợi từ lâu.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 1.5 JPY (0.8%) lên 185.5 JPY/kg. Xu hướng kinh doanh tại Nhật giai đoạn tháng 7-9/2020 đã cải thiện từ mức thấp nhất 11 năm của quý trước đó, theo kết quả thăm dò của Ngân hàng trung ương Nhật Bản.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 3.9 US cent (3.5%) xuống 1.075 USD/lb, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 7. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 17 USD (1.3%) xuống 1,288 USD/tấn. Rabobank dự báo niên vụ 2020/21, thị trường cà phê toàn cầu sẽ dư thừa 7 triệu bao cà phê; đồng thời cho rằng, trong ngắn hạn, giá dự báo sẽ còn biến động, còn về dài hạn giá sẽ giảm
- Đối với loại 5% tấm, gạo Ấn Độ tuần này ở mức 376 – 382 USD/tấn, Thái Lan 472–477 USD/tấn và Việt Nam 460-480 USD/tấn, so với lần lượt 379 – 385 USD/tấn, 475-495 USD/tấn và 470-475 USD/tấn cách đây một tuần

	2/10	% 2/10	1/10	% 1/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	909.91	-0.46%	914.09	0.98%	0.18%	2.04%
S&P 500			3380.80	0.53%	4.13%	-3.41%
HĐTL S&P500	3328.25	-1.17%	3367.75	0.47%	1.25%	-5.35%
Shang- hai	3218.05	-0.20%	3224.36	0.21%	-1.88%	-5.23%
Euro Stoxx	3175.45	-0.58%	3194.09	0.02%	1.22%	-4.86%

Phân tích kỹ thuật

TLG_Phiên bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, Phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TLG đang nằm trong nhịp hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 35.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế cổ phiếu tại quanh ngưỡng giá 36.0 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 40.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 35.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

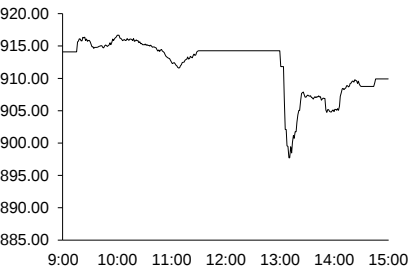
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-1.13%
Truyền thông	-1.07%
Bán lẻ	-0.91%
Hóa chất	-0.89%
Du lịch và Giải trí	-0.89%
Công nghệ Thông tin	-0.84%
Thực phẩm và đồ uống	-0.79%
Bảo hiểm	-0.77%
Ô tô và phụ tùng	-0.64%
Dầu khí	-0.58%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.53%
Ngân hàng	-0.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.14%
Y tế	-0.08%
Bất động sản	-0.02%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.07%
Dịch vụ tài chính	0.13%
Xây dựng và Vật liệu	0.25%

Hình 1

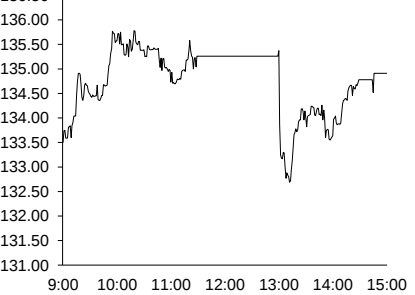
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

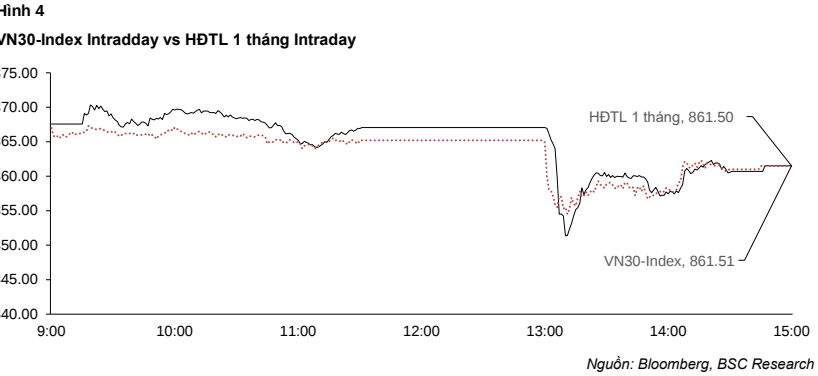
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	16.2	1	2.53%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108	3	-1.10%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.4	4	0.00%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.7	7	3.08%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	80.7	8	-0.49%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.55	10	0.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.1	11	1.81%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.1	14	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	54.4	15	2.06%	Có thể tiếp tục mua
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.6	16	5.43%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.95	18	3.58%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25	21	3.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.2	22	1.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.4	24	2.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.2	29	4.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.9	32	1.84%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.65	35	0.21%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.5	36	4.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.5	53	-2.03%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	9.34	57	26.39%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	68.7	60	1.85%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	14.1	93	10.16%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35	100	14.04%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.9	108	1.34%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
Chú thích: Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	21	3	4.40%	-1.21%	3.70%	32
Cổ phiếu đã chốt	37	22	11.78%	-9.24%	3.94%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	861.50	-0.63%	-0.01	15.8%	132,045	10/15/2020	13
VN30F2011	859.00	-0.56%	-2.51	-24.2%	651	11/19/2020	48
VN30F2012	856.80	-0.37%	-4.71	-29.1%	73	12/17/2020	76
VN30F2103	854.60	-0.37%	-6.91	77.3%	78	3/18/2021	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -6.07 điểm, xuống mức 861.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, TCB, STB, HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giằng co quanh 865-870 điểm, sau đó biến động mạnh trong phiên chiều, chốt phiên quanh 860 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống quanh 850 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE2003	10/29/2020	27	5:1	243,670	30.06%	1,000	2,420	2.98%	2,051	1.18	35,000	30,000	40,150
CSBT2007	4/27/2021	207	2:1	823,680	41.65%	1,700	1,410	0.71%	1,154	1.22	19,399	15,999	16,200
CVNM2009	11/20/2020	49	10:1	311,630	33.81%	1,810	2,990	-1.32%	714	4.19	102,436	87,780	108,000
CHPG2019	12/18/2020	77	2:1	325,790	38.18%	1,630	2,100	-2.33%	1,768	1.19	27,360	24,100	26,700
CMWG2012	2/8/2021	129	5:1	202,680	42.04%	4,390	5,580	-2.62%	5,365	1.04	101,950	80,000	104,000
CHPG2017	2/18/2021	139	4:1	1,177,910	38.18%	1,000	720	-2.70%	458	1.57	32,888	28,888	26,700
CHPG2008	11/30/2020	59	1:1	497,490	38.18%	4,100	5,530	-3.15%	1,180	4.69	32,100	28,000	26,700
CTCB2006	10/29/2020	27	2:1	232,020	38.76%	1,200	2,320	-3.33%	2,312	1.00	20,400	18,000	22,550
CHPG2012	1/18/2021	108	1:1	164,580	38.18%	6,100	7,550	-3.45%	2,481	3.04	32,600	26,500	26,700
CMWG2008	10/29/2020	27	10:1	353,930	42.04%	1,300	1,980	-3.88%	1,945	1.02	98,000	85,000	104,000
CHPG2009	10/29/2020	27	2:1	472,810	38.18%	1,600	5,040	-4.55%	2,164	2.33	25,700	22,500	26,700
CHPG2016	1/14/2021	104	2:1	192,320	38.18%	2,200	3,280	-5.20%	988	3.32	31,900	27,500	26,700
CHPG2018	5/14/2021	224	4:1	731,540	38.18%	1,200	910	-6.19%	560	1.63	34,799	29,999	26,700
CSTB2005	11/3/2020	32	2:1	559,180	45.31%	1,080	1,000	-6.54%	914	1.09	13,971	11,811	13,450
CSTB2008	11/20/2020	49	1:1	156,600	45.31%	1,500	3,450	-6.76%	3,350	1.03	11,700	10,200	13,450
CSTB2009	12/18/2020	77	1:1	186,680	45.31%	1,650	3,150	-6.80%	2,845	1.11	12,550	10,900	13,450
CMWG2007	11/30/2020	59	1:1	28,950	42.04%	12,900	18,090	-9.69%	18,759	0.96	99,900	87,000	104,000
CSTB2004	11/30/2020	59	1:1	665,890	45.31%	1,400	2,720	-9.93%	2,672	1.02	12,400	11,000	13,450
CVRE2007	4/5/2021	185	5:1	1,159,200	44.63%	1,520	500	-10.71%	343	1.46	40,933	33,333	27,300
CVPB2006	11/30/2020	59	1:1	387,620	46.28%	3,400	1,480	-16.38%	1,677	0.88	27,400	24,000	23,650
Tổng				8,486,550	40.19%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 2/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CNVL2001 tăng mạnh 49.62%. Trái lại, CVPB2006 và CVPB2007 giảm mạnh lần lượt là -16.38% và -13.51%. Giá trị giao dịch tăng 30.76%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.54% thị trường.
- CVPB2006, CMWG2007, CMWG2009, CTCB2006, và CMBB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CREE2004, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	104.0	-1.0%	1.2	2,047	6.0	8,348	12.5	3.3	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	61.0	-1.1%	1.3	597	2.7	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	48.5	-0.7%	1.4	1,565	1.4	1,625	29.9	1.8	28.2%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.6	-0.7%	0.3	288	0.1	2,651	11.2	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	94.0	1.6%	0.8	13,824	1.6	2,336	40.2	3.8	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.3	-1.4%	1.1	2,697	3.0	1,057	25.8	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	75.9	-1.6%	1.3	10,855	5.7	6,686	11.4	3.7	22.1%	36.5%
DXG	Bất động sản	10.3	-0.5%	1.4	232	1.6	658	15.7	0.8	34.6%	2.9%
SSI	Chứng khoán	17.8	-0.3%	1.3	464	8.4	1,718	10.3	1.1	49.6%	10.7%
VCI	Chứng khoán	31.5	2.3%	1.0	227	1.6	4,110	7.7	1.4	28.7%	18.7%
HCM	Chứng khoán	21.8	-1.6%	1.7	289	4.3	1,608	13.6	1.5	49.4%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.3	-1.0%	0.8	1,714	4.3	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.6	-0.4%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.9	-0.7%	1.4	5,983	1.9	5,169	13.9	2.6	3.2%	20.5%
PLX	Dầu khí	50.6	-0.4%	1.5	2,681	0.5	867	58.3	3.1	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.6	-2.2%	1.5	283	6.5	1,339	10.2	0.5	10.0%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.0	-4.1%	0.8	944	1.6	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.9	0.0%	0.5	602	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.3	-3.1%	0.4	294	4.5	1,700	10.1	0.8	12.2%	8.9%
DCM	Hóa chất	11.7	-0.4%	0.5	269	2.7	709	16.5	1.0	2.1%	5.8%
VCB	Ngân hàng	84.0	-0.9%	1.1	13,545	3.3	4,915	17.1	3.5	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.7	-0.7%	1.3	7,108	3.1	2,132	19.1	2.1	17.5%	12.3%
CTG	Ngân hàng	27.0	1.3%	1.2	4,363	15.6	2,995	9.0	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.7	-1.9%	1.2	2,507	8.1	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	19.9	0.0%	1.0	2,081	9.4	3,497	5.7	1.1	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.0	2.2%	1.0	2,162	23.5	2,884	8.0	1.6	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	61.8	-0.6%	0.9	220	0.4	5,781	10.7	2.1	82.1%	19.5%
NTP	Nhựa	33.5	-0.3%	0.4	172	0.1	3,348	10.0	1.6	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.8	0.0%	0.3	680	0.1	356	44.4	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.7	-1.1%	1.2	3,846	23.5	2,632	10.1	1.7	34.2%	18.1%
HSG	Thép	15.5	-2.2%	1.5	298	14.2	1,767	8.7	1.1	10.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	108.0	-1.2%	0.8	9,812	13.5	4,615	23.4	7.5	58.4%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	184.5	0.0%	0.8	5,144	0.4	6,328	29.2	6.4	63.1%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.1	-1.5%	1.0	2,763	3.5	3,255	16.6	2.7	38.1%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	16.2	2.5%	0.8	413	3.6	561	28.9	1.3	5.5%	5.1%
ACV	Vận tải	65.8	-1.6%	0.8	6,228	1.2	3,450	19.1	3.9	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	104.9	-0.6%	1.1	2,389	1.8	3,480	30.1	3.7	17.6%	12.3%
HVN	Vận tải	26.9	-1.6%	1.7	1,656	1.1	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	24.2	0.4%	0.9	312	0.9	1,381	17.5	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	14.1	3.7%	1.2	173	3.0	2,076	6.8	0.9	19.9%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.6	0.8%	1.0	510	2.3	8,104	9.3	3.6	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.8	448	0.4	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	1.6%	1.0	271	1.6	1,937	8.4	1.1	6.0%	13.5%
CTD	Xây dựng	68.7	-0.4%	1.1	228	2.3	8,453	8.1	0.6	46.8%	7.9%
CII	Xây dựng	18.9	3.6%	0.3	196	3.6	1,562	12.1	0.9	34.8%	7.6%
REE	Điện	40.2	-3.9%	-1.4	541	1.4	4,780	8.4	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.0	3.3%	-0.4	152	0.8	2,176	10.1	0.9	14.7%	9.9%
POW	Điện	10.6	2.9%	0.6	1,079	8.4	933	11.4	0.9	10.6%	8.1%
NT2	Điện	23.2	-0.4%	0.6	290	0.2	2,685	8.6	1.5	19.0%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.1	-1.4%	0.8	288	2.5	1,156	12.2	0.7	18.7%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	40.4	0%	1.0	1,818	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	94.00	1.62	1.42	400770
CTG	26.95	1.32	0.37	13.24MLN
POW	10.60	2.91	0.20	18.22MLN
LGC	58.50	4.28	0.13	420
DIG	17.25	6.81	0.10	4.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.13	1.73MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.83	890840	607060
VNM	0.00	-0.64	2.86MLN	373600
BID	0.00	-0.34	1.76MLN	192700
VPB	0.00	-0.31	7.82MLN	611640

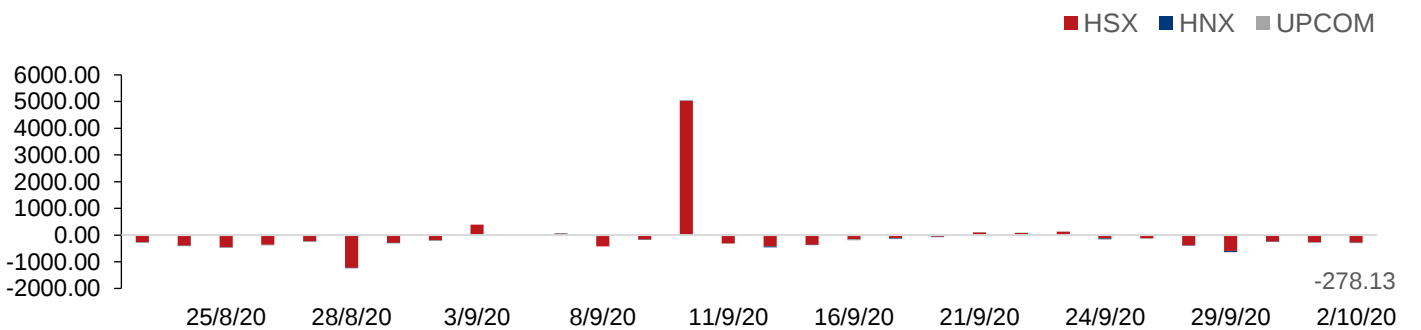
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASG	53.80	6.96	0.06	195430.00
OGC	6.61	6.96	0.04	9.77MLN
TCO	9.09	6.94	0.00	10
CVT	21.05	6.85	0.01	1.51MLN
DIG	17.25	6.81	0.10	4.11MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TS4	3.75	-6.95	0.00	34200
DAT	28.50	-6.86	-0.03	3880
SVC	67.00	-6.82	-0.03	780.00
TCR	3.45	-6.50	0.00	60
DTA	4.05	-6.47	0.00	48010

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	104.0	8,348	12.5	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.0	885	9.0	0.6	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.3	1,944	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	26.7	2,632	10.1	1.7	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.0	3,024	8.6	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.7	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.8	9,998	4.8	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.1	3,255	16.6	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.1	4,670	9.0	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.5	1,767	8.7	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.2	2,103	12.5	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	26.7	2,632	10.1	1.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.6	3,103	7.3	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.0	4,629	13.2	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.0	4,105	26.3	9.3	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.3	658	15.7	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.3	1,721	13.5	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.0	7,583	3.3	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.0	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.9	4,739	11.4	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	84.0	4,915	17.1	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	23.0	2,884	8.0	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.8	5,872	9.8	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.3	4,280	11.8	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.2	1,381	17.5	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.1	1,156	12.2	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	184.5	6,328	29.2	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.3	1,944	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	108.0	4,615	23.4	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.2	1,407	8.6	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	104.0	8,348	12.5	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.6	2,088	9.9	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.9	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.1	2,076	6.8	0.9	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.0	4,629	13.2	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.3	4,313	8.0	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	207.5	14,782	14.0	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639